

# 052 (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Tiền Giang

## (Cont.) Some key socio-economic indicators of Tien Giang

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ Prel. 2021
Tỷ suất chết của trẻ em dưới năm tuổi (Trẻ em dưới 5 tuổi tử vong/1000 trẻ em sinh ra sống) <i>Under five mortality rate (Under five deaths per 1000 live births)</i>	13,6	13,4	13,2	13,2	13,0	12,5	13,1
Tỷ suất nhập cư (‰) - <i>In-migration rate (‰)</i>	4,3	5,3	3,7	4,4	2,7	4,1	3,7
Tỷ suất xuất cư (‰) - <i>Out-migration rate (‰)</i>	5,3	3,2	3,5	5,1	7,7	7,5	8,7
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%) <i>Percentage of literate population at 15 years of age and above (%)</i>	94,9	95,3	94,9	94,9	95,9	95,1	95,5
<b>MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/km<sup>2</sup>)</b> <b>POPULATION DENSITY (Person/km<sup>2</sup>)</b>	<b>689</b>	<b>693</b>	<b>698</b>	<b>701</b>	<b>691</b>	<b>693</b>	
<b>LAO ĐỘNG - LABOUR</b>							
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Nghìn người) <i>Labour force at 15 years of age and above (Thous. persons)</i>	1083,7	1095,8	1102,3	1125,8	1123,5	1112,1	1051,3
Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế (Nghìn người) <i>Employed population at 15 year of age and above by kinds of economic activity (Thous. persons)</i>	1064,7	1069,6	1079,8	1109,3	1105,1	1081,1	983,2
Phân theo khu vực kinh tế - <i>By economic sector</i>							
Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	458,2	482,2	491,2	484,6	427,5	388,7	412,8
Công nghiệp và xây dựng <i>Industry and construction</i>	270,6	279,6	301,9	311,4	321,7	336,8	262,7
Dịch vụ - <i>Service</i>	336,0	307,8	286,7	313,3	356,0	355,6	307,8
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%) <i>Percentage of trained labour force at 15 years of age and above (%)</i>	12,7	11,5	10,2	11,8	11,7	14,2	13,8
Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Unemployment rate of labour force at working age (%)</i>	1,96	2,56	2,27	1,66	1,80	3,14	7,32
Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Underemployment rate of labour force at working age (%)</i>	3,93	4,53	4,94	3,45	2,40	5,49	3,19